|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂNTỈNH TUYÊN QUANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |
| Số: /2024/NQ-HĐND | *Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024* |
| **DỰ THẢO** |

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định về chính sách hỗ trợ đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHOÁ XIX, KỲ HỌP THỨ ....**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;*

*Căn cứ Luật số 43/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 sửa đổi bổ sung một số điều của Đất đai số 31/2024/QH15, Luật nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc Dự thảo Nghị quyết Quy định về hỗ trợ đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2024 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị quyết này quy định về chính sách hỗ trợ đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Khoản 6 Điều 16 Luật Đất đai năm 2024,

2. Các nội dung không được quy định tại Nghị quyết này thì tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cá nhân là người dân tộc thiểu số nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, sinh sống trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi sinh sống bằng nghề nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa có đất ở, đất nông nghiệp hoặc diện tích đất ở, đất nông nghiệp đang sử dụng không đủ 50% diện tích đất so với hạn mức giao ở, đất nông nghiệp của địa phương; đã được Nhà nước giao đất trong hạn mức giao đất nhưng nay không còn đất hoặc thiếu đất so với hạn mức; có nhu cầu thuê đất phi nông nghiệp không phải đất ở để sản xuất phi nông nghiệp.

2. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất đai, phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

**Điều 3: Nguyên tắc thực hiện**

1. Hỗ trợ trực tiếp đến cá nhân là người dân tộc thiểu số.

2. Cá nhân là người dân tộc thiểu số được miễn, giảm tiền sử dụng đất phải có nơi thường trú tại địa phương nơi có đất được giao đất, được công nhận quyền sử dụng đất, được chuyển mục đích sử dụng đất;

3. Việc xác định cá nhân là người dân tộc thiểu số; cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo và địa phương thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ.

4. Đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng; các cá nhân được hỗ trợ phải sử dụng đúng mục đích.

**Điều 4. Chính sách hộ trợ đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số**

1.Hỗ trợ đất sinh hoạt cộng đồng

Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã căn cứ vào quỹ đất hiện có của địa phương và quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt thực hiện rà soát, đề xuất bố trí các điểm đất sinh hoạt cộng đồng cho đồng bào dân tộc thiểu số, điểm đất sinh hoạt cộng đồng được đề xuất phải gắn với điểm di tích đặc biệt của đồng bào dân tộc thiểu số,

Định mức đất để bố trí đất sinh hoạt cộng đồng từ 300 m2 - 500 m2.

2. Hỗ trợ đất ở

a) Cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống tại xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn được hỗ trợ đất ở theo hạn mức giao đất ở trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (diện tích đất ở được giao cho mỗi cá nhân tương đương với diện tích được giao đất theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh).

Diện tích đất ở được hỗ trợ là không quá 100,0 m2/cá nhân nhưng không quá 400 m2/hộ gia đình theo tình hình thực tế và quỹ đất tại địa phương thực hiện hỗ trợ.

b) Trường hợp đã được Nhà nước giao đất theo quy định tại Khoản 2 Điểu 16 Luật Đất đai 2024 nhưng nay không còn đất hoặc thiếu đất so với hạn mức thì được giao tiếp đất ở trong hạn mức theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều này và được miễn giảm tiền sử dụng đất theo quy định.

3. Hỗ trợ đất nông nghiệp

Diện tích hỗ trợ giao đất nông nghiệp được tính trong tổng diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao đất trong quá trình thực hiện các chính sách về đất đai đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

Trường hợp không có đất hoặc đã được Nhà nước giao đất nông nghiệp trong hạn mức giao đất nhưng nay không còn đất nông nghiệp hoặc diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng không đủ 50% diện tích đất so với hạn mức giao đất nông nghiệp của địa phương nếu có nhu cầu thì được nhà nước giao đất nông nghiệp trong hạn mức không thu tiền sử dụng đất theo tình hình thực tế và quỹ đất tại địa phương thực hiện hỗ trợ.

Định mức hỗ trợ giao đất sản xuất nông nghiệp theo quy định cụ thể của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Hỗ trợ thuê đất phi nông nghiệp không phải đất ở

Cá nhân là người dân tộc thiểu số có nhu cầu thuê đất phi nông nghiệp không phải đất ở trên địa bàn sinh sống thuộc vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn hoặc địa bàn ưu đãi đầu tư để sản xuất phi nông nghiệp thì được Nhà nước cho thuê đất và miễn tiền thuê đất trong hạn mức.

**Điều 5. Xử lý chuyển tiếp**

Những trường hợp đã có hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo các chương trình khác trước ngày Nghị quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được hỗ trợ đất đất thì được xem xét thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

**Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đúng quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

**Điều 7. Điều khoản thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIX, kỳ họp thứ .... thông qua ngày ..... tháng ..... năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày .... tháng .... năm 2024.

Trong quá trình thực hiện có nội dung cần thiết điều chỉnh, bổ sung, Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:***- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; - Chính phủ;- Văn phòng Quốc hội;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Văn phòng Chính phủ;- Bộ Tài chính;- Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;- Thường trực Tỉnh ủy;- Thường trực HĐND tỉnh;- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;- Ủy ban nhân dân tỉnh;- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;- Đại biểu HĐND tỉnh;- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;- Thường trực HĐND, UBND huyện, thành phố;- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;- Công báo Tuyên Quang;- Cổng thông tin điện tử tỉnh;- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;- Báo Tuyên Quang;- Lưu: VT. | **CHỦ TỊCH** |